TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2025/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 4 - 2025
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Quốc Diện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 734/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- N đơn: Bà Mai Hồng Đ – sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Mai Hồng Đ: Trợ giúp viên Ngô Đào Mộng – Trung tâm trợ giúp piáp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn U – sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2024 bà Mai Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đ và ông U kết hôn vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cả hai không còn tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân thừ tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với ông Trần Văn U.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2013. Hiện nay cháu N đang sống với bà Đ. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Mai Hồng Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Bà Mai Hồng Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Mai Hồng Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn và nuôi con chung với ông Trần Văn U và hiện ông U có nơi cư trú tại Ấp K, xã Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

N đơn bà Mai Hồng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông U theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà Mai Hồng Đ và ông Trần Văn U kết hôn vào năm 2012, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của bà Đ và ông U không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận bà Mai Hồng Đ và ông Trần Văn U là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Bà Đ và ông U có 01 con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2013. Hiện nay cháu N đang sống với bà Đ. Sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/01/2025 thì cháu N có nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột là bà Đ. Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu N đã trên 07 tuổi nhưng dưới 18 tuổi, đây là ý chí tự nguyện của cháu N. Đồng thời từ khi bà Đ và ông U ly thân thì cháu N sống chung với bà Đ sức khỏe cũng đã ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2013 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Mai Hồng Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung, nợ riêng*: Bà Mai Hồng Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Mai Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Mai Hồng Đ và ông Trần Văn U là vợ chồng.

Về con chung: Giao cho bà Mai Hồng Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Trần Ngọc N, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2013. Ông Trần Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Mai Hồng Đ có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019022 ngày 20 – 12 – 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ bà Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Trần Văn U không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt